

Số: 995 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư đầu tuyến tránh QL6, thành phố Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư đầu tuyến tránh QL6, thành phố Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 128/TTr-SXD ngày 07 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư đầu tuyến tránh QL6, thành phố Sơn La, như sau:

1. Điều chỉnh khoản 5 Điều 1 Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh như sau:

"5. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất quy hoạch: 67,2ha, cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Hiện trạng chỉnh trang (m ²)	Xây dựng mới (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG DÂN DỤNG	143.376,4	405.281,2	548.657,6	81,64
1	Đất ở	111.320,2	191.765,3	303.085,5	45,10
	Đơn vị ở	111.320,2	191.765,3	303.085,5	45,10
2	Công cộng	0,0	18.298,3	18.298,3	2,72
2.1	Công cộng đô thị	0,0	12.723,4	12.723,4	1,89
2.2	Công cộng đơn vị ở	0,0	5.574,9	5.574,9	0,83
3	Trường học	0,0	16.833,5	16.833,5	2,50
4	Cây xanh, công viên	0,0	16.815,1	16.815,1	2,50
5	Giao thông	32.056,2	161.569,0	193.625,2	28,81
5.1	Đường giao thông	32.056,2	157.088,0	189.144,2	28,15
5.2	Bãi đỗ xe	0,0	4.481,0	4.481,0	0,67
II	ĐẤT XÂY DỰNG KHÁC	65.422,6	53.845,3	119.267,9	17,75
1	Kinh doanh, Dịch vụ	10.624,5	26.924,7	37.549,2	5,59
2	Hạ tầng kỹ thuật	0,0	24.510,2	24.510,2	3,65
2.1	Giao thông ngoài dân dụng	0,0	16.616,0	16.616,0	2,47
2.2	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,0	7.894,2	7.894,2	1,17
3	Cây xanh khác (Cây xanh cách ly)	54.798,1	2.410,4	57.208,5	8,51
III	ĐẤT XÂY DỰNG DÂN DỤNG + XÂY DỰNG KHÁC	208.799,0	459.126,5	667.925,5	99,39
IV	ĐẤT KHÁC	0,0	4.089,9	4.089,9	0,61
1	Mặt nước	0,0	4.089,9	4.089,9	0,61
V	TỔNG CỘNG	208.799,0	463.216,4	672.015,4	100,00

2. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Xây dựng Chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Sơn La, UBND huyện Mai Sơn cập nhật nội dung điều chỉnh nêu trên vào hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư đầu tuyến tránh QL6, thành phố Sơn La, lưu trữ theo quy định và chịu trách nhiệm về các thông tin, tính chuẩn xác của các số liệu trình điều chỉnh (*sự thống nhất giữa nội dung trong Quyết định điều chỉnh và Hồ sơ bản vẽ quy hoạch đã duyệt và được công bố*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La, Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b). 25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng

